

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ ĐỒNG TÂM**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Tâm, ngày tháng 6 năm 2026

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Phương án bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (lần 1) đã được phê duyệt tại Quyết định số 2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Chủ tịch UBND xã Đồng Tâm thuộc dự án Cao tốc Bắc – Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua địa bàn xã Đồng Tâm**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỒNG TÂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị Quyết số 138/2024/QH15 ngày 28/6/2024 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc – Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước);*

*Căn cứ Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội về việc quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ về việc quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 147/NQ-CP ngày 20/9/2024 của Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 138/2024/QH15 ngày 28/6/2024 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án: Xây dựng đường cao tốc Bắc – Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước);*

*Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Bình Phước về việc thông qua danh mục các dự án thu hồi đất năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế cắm cọc (thiết kế ranh) giải phóng mặt bằng đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc – Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước), điều chỉnh tại Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 26/6/2025;*

*Căn cứ Quyết định số 811/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc – Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước); được điều chỉnh tại Quyết định số 1504/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thi hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.*

*Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2026/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND xã Đồng Tâm về việc Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã Đồng Tâm, nhiệm kỳ 2026-2031;*

*Căn cứ Quyết định số 2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Chủ tịch UBND xã Đồng Tâm về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Cao tốc Bắc – Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua địa bàn xã Đồng Tâm (đợt 60);*

*Căn cứ Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của UBND xã Đồng Tâm về việc điều chỉnh Phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất (đợt 60) kèm theo Quyết định số 2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Chủ tịch UBND xã Đồng Tâm;*

*Căn cứ Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND xã Đồng Tâm về việc phân công nhiệm vụ cụ thể Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân xã Đồng Tâm, nhiệm kỳ 2026-2031;*

*Căn cứ Công văn số 7938/SoNNMT-ĐĐ ngày 05/11/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc xử lý kiến nghị của UBND xã Nha Bích, UBND phường Đồng Xoài về việc hướng dẫn xác định đối tượng hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Công văn số 1443/SXD-QLHĐ&VLXD ngày 02/6/2026 của Sở Xây dựng về việc công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Đồng Nai tháng 05 năm 2026;*

*Căn cứ Báo cáo số 324/BC-STC ngày 08/6/2026 của Sở Tài chính về tình hình giá thị trường tháng 05 năm 2026;*

*Theo đề nghị của của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Đồng Phú tại Công văn số 275/TTPTQĐ.CNĐP ngày 15/6/2026 và Trưởng Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 692/TTr-PKT ngày 19 tháng 6 năm 2026.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án xây dựng đường cao tốc Bắc – Nam, phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua địa bàn xã Đồng Tâm, TP. Đồng Nai với nội dung như sau:

1. Phê duyệt Phương án bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (lần 1) đã được phê duyệt tại Quyết định số 2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Chủ tịch UBND xã Đồng Tâm thuộc dự án Cao tốc Bắc – Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua địa bàn xã Đồng Tâm, như sau:

*(Có Phương án bồi thường, hỗ trợ kèm theo)*

2. Phê duyệt Phương án chi tiết bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (lần 1) đối với các hộ gia đình, cá nhân đã được phê duyệt tại Quyết định số 2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Chủ tịch UBND xã Đồng Tâm thuộc dự án xây dựng đường cao tốc Bắc – Nam, phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua địa bàn xã Đồng Tâm, TP. Đồng Nai, cụ thể) – Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua địa bàn xã Đồng Tâm, TP. Đồng Nai, cụ thể:

(Có Bảng biểu kèm theo).

**Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:**

**1. Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Đồng Phú có trách nhiệm:**

a) Phối hợp với Phòng Kinh tế xã Đồng Tâm phổ biến, niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung tại Trụ sở UBND xã Đồng Tâm, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư (Nhà văn hóa ấp) nơi có đất thu hồi.

b) Trực tiếp gửi phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đã được phê duyệt đến từng hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo điểm b khoản 4 Điều 87 Luật Đất đai năm 2024.

c) Thực hiện việc chi trả bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được UBND xã Đồng Tâm phê duyệt.

d) Chịu trách nhiệm về kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; niêm yết, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung; trình tự, thủ tục, các số liệu, nội dung và thành phần hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

e) Thực hiện lưu trữ hồ sơ, chứng từ gốc và các văn bản có liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ của Dự án theo đúng quy định..

**2. Phòng Kinh tế:**

Chịu trách nhiệm về nội dung, số liệu, kết quả thẩm định phương án giá đất cụ thể, phương án bồi thường, hỗ trợ và trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

**3. Phòng Văn Hóa- Xã hội:**

Chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của xã Đồng Tâm

**4. Các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi:**

Có trách nhiệm thực hiện hiện theo phương án bồi thường, hỗ trợ đã được UBND xã Đồng Tâm phê duyệt.

**5. Ban Quản lý Dự án – Đầu tư xây dựng TP. Đồng Nai:**

Có trách nhiệm đảm bảo nguồn kinh phí để thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng Phòng Kinh tế, Trưởng phòng Văn hóa, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng thành phố Đồng Nai, Giám đốc Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Đồng Phú, Trưởng Ban quản lý ấp Phước Tân; Thủ trưởng các

cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- UBND TP;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT.UBND xã;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, PKT (xuân 8 bản).

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Chí Thường**

**PHƯƠNG ÁN**

**Bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (lần 1) đã được phê duyệt tại Quyết định số 2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Chủ tịch UBND xã Đồng Tâm thuộc dự án Cao tốc Bắc – Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua địa bàn xã Đồng Tâm**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Đồng Tâm)*

**1. Tổng số hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng thu hồi đất thực hiện dự án được phê duyệt bổ sung:** 01 hộ gia đình, cá nhân; với 01 thửa đất thu hồi.

**2. Tổng diện tích đất thu hồi; số lượng, khối lượng, giá trị hiện có của tài sản gắn liền với đất bị thiệt hại:**

**2.1. Tổng diện tích đất thu hồi:**

- Diện tích: 3.877,9 m<sup>2</sup>.

- Loại đất thu hồi: 0 m<sup>2</sup> đất ở nông thôn; 3.877,9 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp.

**2.2. Số lượng, khối lượng, giá trị hiện có của tài sản gắn liền với đất bị thu hồi:**

Theo Biên bản kiểm kê hiện trạng do Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Đồng Phú lập, đã được UBND xã Đồng Tâm xác nhận có thực hiện kiểm kê hiện trạng thực tế tại thửa đất thu hồi.

**3. Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở; công trình xây dựng và về cây trồng, vật nuôi; chính sách hỗ trợ:**

**3.1. Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, công trình xây dựng và cây trồng, vật nuôi:**

Theo Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**3.2. Các khoản hỗ trợ khác:** Theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các quy định hiện hành.

**4. Tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung và chi phí đảm bảo cho việc**

**tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ: 462.227.930 đồng.**

(Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi hai triệu, hai trăm hai mươi bảy nghìn, chín trăm ba mươi đồng).

Trong đó:

a) Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 446.597.034 đồng. (Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn, không trăm ba mươi bốn đồng), cụ thể:

| STT                                | Nội dung                                             | Số tiền (đồng)      |
|------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------|
| 1                                  | Bồi thường về đất                                    | 0                   |
| 1.1                                | Đất ở tại nông thôn                                  | 0                   |
| 1.2                                | Đất trồng cây lâu năm                                | 0                   |
| 2                                  | Hỗ trợ công trình xây dựng, vật kiến trúc            | 25.227.420          |
| 3                                  | Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng                      | 60.390.314          |
| 4                                  | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm | 347.919.300         |
| 5                                  | Hỗ trợ ổn định đời sống                              | 3.060.000           |
| 6                                  | Bồi thường, hỗ trợ chi phí đào, bốc, di dời mồ mả    | 10.000.000          |
| 7                                  | Hỗ trợ đối với đối tượng thuộc diện chính sách       | 0                   |
| 8                                  | Khen thưởng                                          | 0                   |
| <b>Tổng cộng (1+2+3+4+5+6+7+8)</b> |                                                      | <b>446.597.034.</b> |

b) Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ: Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ là 3,5% trên tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ (theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 08/2025/NĐ-UBND ngày 10/02/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai; điều 15 Quyết định số 30/2025/QĐ UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai), cụ thể:

Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ:  $446.597.034 \times 3,5\% = 15.630.896$  đồng (Mười lăm triệu, sáu trăm ba mươi nghìn, tám trăm chín mươi sáu đồng).

**5. Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản:**

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2025 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất (có biểu kèm theo).

**6. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:**

Thực hiện theo Điều 109 Luật Đất đai 2024; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

**7. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ:**

Việc tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ dự án được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 87 Luật Đất đai năm 2024.

Triển khai công tác chi trả bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Điều 94 Luật Đất đai năm 2024 và Điều 25 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ.

**8. Nguồn kinh phí thực hiện:**

Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng thành phố Đồng Nai đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định.

**9. Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ (nếu có):**

Sau khi phương án bồi thường, hỗ trợ được UBND xã Đồng Tâm phê duyệt, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Đồng Phú có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Đồng Tâm thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân một lần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản./.

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỔ SUNG (lần 1)**  
**Về bồi thường, hỗ trợ trên đất thu hồi của hộ ông Nông Văn Nân**  
**thuộc dự án xây dựng đường cao tốc Bắc-Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)**

**Vị trí đất: xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của UBND xã Đồng Tâm)

Mã PACT: 550 /PACT- CT-GN-ĐT-BSL1

**I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi; đơn giá bồi thường, hỗ trợ:**

**1. Tên chủ sử dụng đất**

Hộ ông Nông Văn Nân; năm sinh: 1960; CCCD số: 004060003824.  
Địa chỉ thường trú: Ấp Phước Tân, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

**2. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:**

**a. Vị trí đất:** Ấp Phước Tân, xã Đồng Tâm, thành phố Đồng Nai.

**Thông báo thu hồi đất số:** 211/TB-UBND ngày 31/7/2025

**Thửa số:** 90; **Tờ bản đồ số:** TĐ 28590-2025 (theo bản đồ phục vụ công tác bồi thường, GPMB dự án)

**b. Diện tích đất thu hồi:** 3.877,9 m<sup>2</sup>

**c. Loại đất (MĐSD):** Đất trồng cây hàng năm

**d. Nguồn gốc đất:** Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00055QSĐĐ/830 QĐ-UB (H), cấp ngày 14/12/1999.

**3. Đơn giá bồi thường hỗ trợ đất và tài sản gắn liền trên đất:**

**a. Đơn giá bồi thường hỗ trợ đất:**

Giá đất bồi thường: 88.000 đồng (theo phương án giá đất được Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể UBND xã Đồng Tâm thông qua tại CV số 1352/CV-HĐTĐGDCT ngày 11/11/2025)

Giá đất tại bảng giá đất: 60.000 đồng (Áp dụng tại Nghị quyết số 27, 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 để tính tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm).

**b. Đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng:**

\* Căn cứ theo Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**c. Đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng:**

\* Căn cứ theo công văn số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

\* Căn cứ công văn số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

**II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:**

ĐVT:Đồng

| 1. Tiền hỗ trợ về công trình, vật kiến trúc trên đất: |                                           |              |                                            |            |       |            | 25.227.420                       |
|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------|------------|-------|------------|----------------------------------|
| TT                                                    | Tên, loại nhà, công trình                 | Năm xây dựng | ĐVT                                        | Đơn giá    | Tỷ lệ | Số tiền    | Ghi chú                          |
|                                                       |                                           |              | (m <sup>2</sup> , m <sup>3</sup> , cái...) | (đồng)     | (%)   | (đồng)     |                                  |
|                                                       |                                           |              | a                                          | b          | c     | c= a*b*c   |                                  |
| 1                                                     | Mộ xây kiên cố (xây gạch, có tô trát).    | 2007         | 1                                          | 23.559.000 | 100%  | 23.559.000 | Hỗ trợ 100% vì xây dựng năm 2007 |
| 2                                                     | Sân bê tông.<br>Diện tích: (2,3m x 3,1m). | 2007         | 7,13                                       | 234.000    | 100%  | 1.668.420  | Hỗ trợ 100% vì xây dựng năm 2007 |

|                                         |                                                                            |                                      |                                        |                                 |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |         |
|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 2.                                      | Tiền bồi thường, hỗ trợ chi phí đào bốc, di dời mồ mã và các chi phí khác: |                                      |                                        |                                 |                          | 10.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |         |
| 3.                                      | Giá trị bồi thường cây trồng:                                              |                                      |                                        |                                 |                          | 60.390.314                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |         |
| TT                                      | Loại cây trồng                                                             | Số lượng cây<br>kiểm kê<br>(cây)     | Năm<br>trồng,<br>quy cách              | Đơn giá<br>(đồng)               | Tiền BT<br>(đồng)        | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |         |
|                                         |                                                                            |                                      | <i>b</i>                               | <i>c</i>                        | <i>d=a*c</i>             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |         |
| 1                                       | Cao su                                                                     | 13                                   | 2022                                   | 276.041                         | 2.870.826                | Tính 80% vì trồng trên đất HNK                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |         |
| 2                                       | Cao su                                                                     | 65                                   | 2023                                   | 215.281                         | 11.194.612               | Tính 80% vì trồng trên đất HNK                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |         |
| 3                                       | Điều                                                                       | 65                                   | 2012                                   | 890.863                         | 46.324.876               | Tính 80% vì trồng trên đất HNK                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |         |
| Tổng giá trị cây trồng trên đất thu hồi |                                                                            |                                      |                                        |                                 | 60.390.314               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |         |
| Cây điều trồng theo mật độ chuẩn        |                                                                            | 70                                   | 2012                                   | 890.863                         | 49.888.328               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |         |
| 1,5 lần giá trị cây trồng               |                                                                            |                                      |                                        |                                 | 74.832.492               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |         |
| Giá trị bồi thường cây trồng            |                                                                            |                                      |                                        |                                 | 60.390.314               | Căn cứ khoản 4, điều 2, quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (Ban hành kèm theo QĐ 48/QĐ-UBND)                                                                                                                                                                                                     |         |
| 4.                                      | Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống:                                           |                                      |                                        |                                 |                          | 3.060.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |         |
| TT                                      | Tổng số nhân khẩu                                                          | Số tháng hỗ<br>trợ/ người<br>(tháng) | Số gạo hỗ trợ/<br>người/ tháng<br>(kg) | Đơn giá<br>gạo<br>(đồng/kg)     | Giá trị hỗ trợ<br>(đồng) | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |         |
|                                         | <i>a</i>                                                                   | <i>b</i>                             | <i>c</i>                               | <i>d</i>                        | <i>e = a*b*c*d</i>       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |         |
| 1                                       | 4                                                                          | 3                                    | 15                                     | 17.000                          | 3.060.000                | * Căn cứ công văn 618/UBND -KT ngày 22/9/2025 xác nhận hộ ông Nông Văn Nằn thuộc trường hợp thu hồi đất dưới 30% tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã Đồng Tâm và không phải di chuyển chỗ ở.<br>* Căn cứ giấy xác nhận của CAX Đồng Tâm, hộ ông Nông Văn Nằn có 04 nhân khẩu.<br>* Đơn giá gạo theo Báo cáo số 254/BC-STC ngày 03/3/2025 của Sở Tài Chính |         |
| 5.                                      | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:                      |                                      |                                        |                                 |                          | 347.919.300                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |         |
| TT                                      | Tờ BD                                                                      | Số<br>thửa                           | Diện tích đất<br>NN<br>(m²)            | Đơn giá<br>theo Bảng<br>giá đất | Hệ số hỗ trợ<br>(lần)    | Giá trị hỗ trợ<br>(đồng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Ghi chú |



BẢNG TỔNG HỢP PHÊ DUYỆT BỔ SUNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (LẦN 1)

Thực hiện dự án xây dựng đường cao tốc Bắc-Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đã được phê duyệt tại Quyết định số 2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Chủ tịch UBND xã Đồng Tâm  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của UBND xã Đồng Tâm)

| STT  | Họ tên, địa chỉ người sử dụng đất |                                         | Diện tích đất thu hồi |         |                             | Kết quả thẩm định bổ sung (đồng)     |                                                        |                           |                              |                                                          |                  |                                 | Ghi chú |
|------|-----------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------|---------|-----------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------|---------|
|      | Họ tên                            | Địa chỉ thường trú                      | Tờ BD                 | Số thửa | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Tiền hỗ trợ nhà, công trình xây dựng | Tiền bồi thường, hỗ trợ chi phí đào, bốc, di dời mô mã | Tiền bồi thường cây trồng | Tiền hỗ trợ ổn định đời sống | Tiền hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm | Tiền khen thưởng | Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ |         |
| 1    | Hộ ông Nông Văn Nân               | Ấp Phước Tân, xã Đồng Tâm, TP. Đồng Nai | TĐ 352-2025           | 90      | 3.877,9                     | 25.227.420                           | 10.000.000                                             | 60.390.314                | 3.060.000                    | 347.919.300                                              | 0                | 446.597.034                     |         |
| TỔNG |                                   |                                         |                       |         | 3.877,9                     | 25.227.420                           | 10.000.000                                             | 60.390.314                | 3.060.000                    | 347.919.300                                              | 0                | 446.597.034                     |         |